

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP ĐỨC
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 110/2020/HNGĐ-ST

Ngày 16-12-2020

*“V/v ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP ĐỨC, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Tiến Lĩnh**

- Các Hội thẩm nhân dân: + Ông **Lê Minh Thông**;

+ Bà **Nguyễn Đức Huỳnh**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Quốc Tuấn Huy** – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà **Bùi Thị Hương Giang** – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 85/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2020 về việc *“Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2020/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 11 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Anh **Đặng Văn V**; Sinh năm: 1983 (Có mặt).

Địa chỉ: Khối phố A, thị trấn T, Hiệp Đức, Quảng Nam.

Bị đơn: Chị **Thái Thị Thu H**; Sinh năm: 1987 (Có mặt).

Địa chỉ: Khối phố A, thị trấn T, Hiệp Đức, Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo Đơn khởi kiện ngày 01/10/2020, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn anh **Đặng Văn V** trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh V và chị H kết hôn vào năm 2011, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống với nhau được khoảng 09 năm hạnh phúc thì xảy ra nhiều mâu thuẫn từ nhỏ đến lớn, thường xuyên cãi vã. Anh V và chị H sống ly thân hơn 6 tháng nay. Anh V thấy tình cảm và hạnh phúc không còn; đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị **Thái Thị Thu H**.

Về con chung: Anh **Vinh** và chị **Hiền** có 01 con chung là cháu **Đặng Thái Diễm M**, sinh ngày 11/5/2012. Khi ly hôn anh V đồng ý để chị H nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con đến tuổi trưởng thành 18 tuổi và đồng ý cấp dưỡng nuôi con

chung hàng tháng là 2.000.000 đồng và đóng tiền Bảo hiểm nhân thọ hai vợ chồng mua cho con mỗi năm gần 10.000.000 đồng đến khi hợp đồng đáo hạn.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay bị đơn chị Thái Thị Thu H trình bày:

Chị và anh Đặng Văn V kết hôn vào năm 2011, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

Trong quá trình chung sống vợ chồng với nhau được 09 năm thì hôn nhân hạnh phúc, đến khi được phân công công tác tại nơi khác thì anh có quan hệ ngoại tình với người khác, không quan tâm lo lắng cho gia đình và vợ con, không về nhà hơn 6 tháng nay. Hiện tại chị và anh Vinh đã sống ly thân, tình cảm vợ chồng không còn. Nay, anh V yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn, chị Hiền thống nhất ly hôn với anh V.

Về con chung: Chị H và anh V có 01 con chung là cháu Đặng Thái Diễm M, sinh ngày 11/5/2012. Khi ly hôn chị mong muốn được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con đến tuổi trưởng thành 18 tuổi và yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 4.000.000 đồng/tháng và đóng tiền mua Bảo hiểm nhân thọ cho con mỗi năm gần 10.000.000 đồng đến khi hợp đồng đáo hạn.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Đức tham gia phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Hiệp Đức đã xác định quan hệ tranh chấp, thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền. Trình tự, thủ tục tố tụng trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa đã được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; quyền, lợi ích của các đương sự được bảo đảm.

Về nội dung vụ án: Xét thấy mâu thuẫn hôn nhân giữa các đương sự là có thật; Anh V và chị H đã ly thân không sống chung, không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng. Căn cứ các Điều 81, 82, 83, 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; đề nghị Hội đồng xét xử:

- + Ghi nhận sự thỏa thuận thuận ly hôn giữa anh V và chị H;
- + Ghi nhận sự thỏa thuận giao con chung là cháu Đặng Thái Diễm M cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu M đủ 18 tuổi;
- + Ghi nhận sự thỏa thuận anh V có trách nhiệm đóng Bảo hiểm An sinh giáo dục cho con Đặng Thái Diễm M mỗi năm gần 10.000.000 đ đến khi hợp đồng đáo hạn;
- + Buộc anh V có nghĩa vụ phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng từ 2500.000đ đến 3.000.000đ;
- + Anh V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn khởi kiện của anh Đặng Văn V về việc ly hôn và tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn với chị Thái Thị Thu H đảm bảo hình thức, nội dung quy định tại Điều 189 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chị H cư trú tại khối phố A, thị trấn T, huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam nên Tòa án nhân dân huyện Hiệp Đức có thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

2 Về quan hệ hôn nhân: Anh Đặng Văn V và chị Thái Thị Thu H chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống với nhau được khoảng 09 năm hạnh phúc thì xảy ra nhiều mâu thuẫn từ nhỏ đến lớn, thường xuyên cãi vã. Anh V và chị H sống ly thân hơn 6 tháng nay. Trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa hôm nay anh V, chị H xét thấy tình cảm, hạnh phúc vợ chồng không còn nữa, thống nhất ly hôn. Xét thấy sự thỏa thuận giữa anh V, chị H là hoàn toàn tự nguyện phù hợp theo quy định tại điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh Đặng Văn V và chị Thái Thị Thu H có một con chung là Đặng Thái Diễm M, sinh ngày 11/5/2012. Chị H yêu cầu được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc cháu M đến đủ 18 tuổi và đây cũng là nguyện vọng của cháu M; anh V thống nhất. Hội đồng xét xử chấp nhận và chị H không quyền ngăn cản anh V thăm con.

[4] Về mức cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H cho rằng anh V hiện tại công an xã Ph với mức khoảng 19.000.000 đồng/tháng, yêu cầu anh V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 4.000.000 đồng.

Anh V không đồng ý mức cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của chị H với lý do: anh V là đại úy công an với mức lương mỗi tháng khoảng 12.000.000 đồng; còn mức lương khoảng 19.000.000 đồng là không ổn định vì hiện tại anh V hưởng lương đang công tác tại công an xã Ph, nếu sau này tổ chức phân công nơi khác thì mức lương sẽ thấp xuống. Mặc khác anh V còn có nghĩa vụ nuôi, chăm sóc cha mẹ già và tự nguyện mỗi năm còn phải đóng tiền bảo hiểm cho con Đặng Thái Diễm gần 10.000.000 đồng theo Hợp đồng số 05709600192641 đến khi hợp đồng đáo hạn. Hiện tại chị H đang công tác tại trường Mầm non măng non với mức lương là 3.685.217 đồng/ tháng.

Hội đồng xét xử xét thấy trách nhiệm chăm sóc, dạy dỗ, nuôi con chung là nghĩa vụ của hai vợ chồng, từ phân tích trên xử buộc anh V phải có nghĩa vụ đóng góp nuôi con chung cùng với chị H mỗi tháng 2.000.000 đồng, kể từ ngày 01/12/2020 đến khi cháu Đặng Thái Diễm M đủ 18 tuổi.

5. Về tài sản chung của vợ chồng không có.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có cơ sở, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Anh Đặng Văn V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn Cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83 và Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a, khoản 5, điểm a, khoản 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 ban hành ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Đặng Văn V và chị Thái Thị Thu H.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giao cháu Đặng Thái Diễm M, sinh ngày 11/5/2012 cho chị Thái Thị Thu H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (18 tuổi).

Công nhận sự thỏa thuận giữa anh Đặng Văn V và chị Thái Thị Thu H, anh V có nghĩa vụ đóng tiền bảo An sinh giáo dục (BV-NA23) cho con Đặng Thái Diễm M theo Hợp đồng bảo hiểm số: 05709600192641 đến khi đáo hạn (Hợp đồng có hiệu lực từ ngày 15/01/2019 đến ngày 14/01/2030).

Buộc anh Đặng Văn V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Đặng Thái Diễm M cho chị Thái Thị Thu H mỗi tháng là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng y). Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày 01/12/2020 đến đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không có yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí: Anh Đặng Văn V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí tòa án số 0005255 ngày 01/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Đức. Anh V phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000 đồng.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả

cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền đến hạn còn phải thi hành án.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh QN;
- VKSND Hiệp Đức;
- Chi cục THADS Hiệp Đức;
- UBND thị trấn T;
- Các đương sự;
- Lưu HS, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tiến Lãnh

